TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2024/DS-PT
Ngày: 18 - 7 - 2024
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Đinh Phước Hoà

- *Thư ký phiên tòa*: bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1209/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phạm Sỹ T, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: bà Phan Thị T1, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T1: ông Lê Quang H, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn T, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh V, chức vụ - Phó Trưởng phòng Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám, thuộc Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Q, có Đơn xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: bà Phan Thị Ánh N, chức vụ - Chủ tịch, có Đơn xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có Đơn xét xử vắng mặt.

3.4. Ông Phạm Hoàng L, sinh năm 1984; địa chỉ: G đường B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có Đơn xét xử vắng mặt.

3.5. Ông Phạm Hoàng L1, sinh năm 1989; địa chỉ: C N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có Đơn xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn bà Phan Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung Đơn khởi kiện, nội dung trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn thể hiện:

Ông và bà Hoàng Thị M, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1958 kết hôn hợp pháp vào ngày 16 tháng 01 năm 1982 và sinh được hai người con là Phạm Hoàng L, sinh năm 1984 và Phạm Hoàng L1, sinh năm 1989 thuộc hàng thừa kế hàng thứ nhất của bà Hoàng Thị M (chết ngày 23 tháng 12 năm 2012).

Về nguồn gốc thửa đất số 902, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình mang tên Hoàng Thị M được thể hiện tại Sổ mục kê đất đai của Uỷ ban nhân dân (UBND) xã H và Bản đồ địa chính do Sở T phê duyệt năm 2014 như sau: vào năm 1995, khi UBND xã P có chủ trương cấp đất cho người dân làm nhà ở tại khu vực đầm lầy nước mặn Đ, giáp ranh với xã H (có thu tiền sử dụng đất) thì có 6 người đứng chung 03 đơn để mua đất là bà Đỗ Thị H1 và bà Hồ Thị H2 góp tiền đứng chung 01 Đơn và đăng ký tên là Phan T1; ông Dương Minh T2 và và Phan Thị T1 góp tiền đứng chung 01 Đơn và đăng ký tên là Hồ C; bà Nguyễn Thị L2 và bà Hồ Thị C1 góp tiền đứng chung 01 Đơn và đăng ký tên là Thảo S. Các hộ gia đình đã nộp tiền để xin mua đất, được UBND xã phê duyệt và cấp 03 Giấy cấp đất làm nhà ở cụ thể: Giấy cấp đất mang tên Phan T1 do bà Đỗ Thị H1 cất giữ; Giấy cấp đất mang tên Hồ C do ông Dương Minh T2 cất giữ; Giấy cấp đất mang tên Thảo S do bà Nguyễn Thị L2 cất giữ. Sở dĩ những người đã nộp tiền mua đất không lấy tên thật của mình để đứng tên trong Đơn xin mua đất mà tự đặt ra 03 cái tên không có thật (ngẫu nhiên) là vì những người này đã đứng tên thật của mình để mua 03 thửa đất ở nơi khác và việc này được UBND xã P chấp nhận giải quyết đơn.

Sau đó, bà Đỗ Thị H1 đã lấy Giấy cấp đất mang tên Phan T1 do UBND xã P xác nhận giao cho mẹ đẻ là bà Hồ Thị H2 cất giữ. Năm 1997, bà Hồ Thị H2 làm ăn thua lỗ nên có nợ bà Hoàng Thị M (vợ ông) 41 triệu đồng, bà Nguyễn Thị C2 08 triệu đồng và bà Phan Thị C3 03 triệu đồng. Vì không có tiền trả cho những người này, nên bà H2 đã gán thửa đất mang tên Phan T1 cho các chủ nợ trên. Vì bà H2 nợ tiền bà M nhiều nhất, nên bà C2 và bà C3 đồng ý giao giấy tờ đất cho bà M cất giữ. Các hộ gia đình liên quan thống nhất cùng san ủi mặt bằng, đồng thời làm Đơn đề nghị UBND xã P (cũ) đo đạc, cắm mốc và quy chủ các thửa đất cho các hộ gia đình tại tờ bản đồ địa chính số G, xã P (cũ), cụ thể như sau: Giấy cấp đất nhà ở tên Phan T1 được quy chủ cho Hoàng Thị M; Giấy cấp đất nhà ở tên Hồ C được quy chủ cho Dương Minh T2; Giấy cấp đất nhà ở tên T được quy chủ cho Hồ Thị C1.

Tháng 8 năm 2022 bà Phan Thị T1 đào rãnh, bao tường trên phần đất của ông, sau đó ông làm Đơn kiến nghị gửi UBND xã H giải quyết. Nhưng việc hòa giải không thành, sau đó bà T1 nộp Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc tranh chấp đất đai với ông và yêu cầu như yêu cầu phản tố trong vụ án này. Sau khi Tòa án tỉnh thụ lý vụ án và có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà T1 rút Đơn khởi kiện, nên Toà án đã Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 07/2023/QDDST – DS ngày 04 tháng 5 năm 2023). Tháng 5 năm 2023 ông thuê xe san ủi mặt bằng để xây tường rào bảo vệ thì bà Phan Thị T1 ngăn cản và gửi Đơn đến UBND xã H đề nghị can thiệp, không cho ông xây dựng trên thửa đất 902, tờ bản đồ số 7. Vì vậy, ông làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị T1 chấm dứt ngay các hành vi xâm phạm, cản trở quyền sử dụng đất của ông; đồng thời, công nhận giao quyền sử dụng đất hợp pháp của ông tại thửa đất số 902, tờ bản đồ số 7 do UBND xã H quản lý đã được Sở T phê duyệt năm 2014.

Chứng minh cho nội dung này có những người làm chứng tham gia xin cấp đất thời điểm đó còn sống (riêng bà H2 đã chết) chứng nhận. Những người này trực tiếp xin cấp đất và được UBND xã cấp giấy. Mặc dù cấp giấy không đứng tên trực tiếp nhưng họ đã đóng lệ phí cho U. Ba giấy mua đất này có liên quan đến nhau, do vậy mốc giới các thửa đất cũng liên quan đến nhau. Giấy cấp đất mang tên Phan T1 là của bà Đỗ Thị H1 và Hồ Thị H2; Giấy cấp đất mang tên Hồ C là của ông Dương Minh T2 và Phan Thị T1; Giấy cấp đất mang tên Thảo S là của bà Nguyễn Thị L2 và Hồ Thị C1. Họ góp tiền với nhau chung nộp lệ phí cho xã, nên sau này chỉ trừ Giấy Phan Thảo của bà Đỗ Thị H1 và Hồ Thị H2 gán nợ và chuyển sang cho vợ ông (tức bà M). Còn lại hai giấy đất chuyển sang giấy của những người mua là ông Dương Minh T2

và bà Hồ Thị C1. Ba người được cấp đất hợp tác san ủi đất nền được cấp là ông T2, bà C1, bà M.

Thửa đất của vợ ông (tức bà M) là xa chợ nhất, những người này đã có sự thống nhất thỏa thuận với nhau mà không có sự tranh chấp. Đến năm 2009, UBND xã đề nghị xác nhận lại chủ sử dụng đất. Vợ ông đề nghị đổi tên Phan T1 sang Hoàng Thị M, Hồ Chiến đ sang Dương Minh T2, T đổi sang Hồ Thị C1, tất cả đều được UBND xã chấp nhận. Do vậy, trên bản đồ quy hoạch địa chính mang tên ông Dương Minh T2, Hồ Thị C1 và Hoàng Thị M. Từ năm 1997 đến nay chưa có một sự tranh chấp, lấn chiếm. Đến tháng 8 năm 2022, bà T1 xây nhà mới định xây hàng rào bao quanh lô đất 902 nên xảy ra tranh chấp. Hình thức sang đất của bà Hồ Thị H2 cho vợ ông là gán nợ với trị giá 41 triệu đồng. Do đó, Phan T1 trong giấy cấp đất của UBND xã P (nay là xã H) và Phan Thị T1 là bị đơn trong vụ án không liên quan đến nhau và Tòa án đã yêu cầu Phan Thị T1 chứng minh nội dung này, nhưng Phan Thị T1 không có bất cứ chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh mình là Phan T1 trong giấy cấp đất của UBND xã P. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

2. Nội dung Đơn phản tố và trình bày của bị đơn thể hiện:

Năm 1995, bà làm Đơn xin UBND xã P (nay là xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình) cấp cho một thửa đất có diện tích trên giấy tờ là 410 m^2 với chiều ngang mặt đường liên thôn là 20m để làm nhà ở và bà đã nộp lệ phí địa chính 4.000.000 đồng. Sau khi nộp tiền để được cấp đất thì bà đi xuất khẩu lao động, nên chưa có điều kiện để làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Khi từ nước ngoài trở về, do bà bị thất lạc giấy tờ về việc cấp đất mang tên Phan T1 (tức Phan Thị T1), nên bà cũng không thể làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, khi bà thực hiện việc tôn tạo thửa đất nói trên thì xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Phạm Sỹ T (chồng bà M) và mới biết được thửa đất của bà đã được Sở T đo đạc, chỉnh lý thành thửa đất số 902 có diện tích 410m^2 và quy chủ cho bà Hoàng Thị M (vợ ông Nguyễn Sỹ T3) có tại Sổ mục kê đất đai xã P lập năm 2011 và Bản đồ địa chính xã P được phê duyệt. Đồng thời, tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 04 tháng 10 năm 2022 do UBND xã H tổ chức thì bà Đỗ Thị H1 đã thừa nhận đã lấy tờ giấy mà UBND xã P cấp đất cho bà, sau đó giao lại cho mẹ đẻ của mình là bà bà Hồ Thị H2 (đã chết) và chuyển nhượng trái pháp luật thửa đất này cho bà Hoàng Thị M. Mặt khác, bản đồ địa chính xác định thửa đất số 902, tờ bản đồ số 07 do Sở T lập quy chủ cho người sử dụng đất là bà Hoàng Thị M không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, bà có Đơn phản tố yêu cầu Tòa án tuyên Giấy sang nhượng đất lập ngày 10 tháng 3 năm 1997 giữa bà Hồ Thị H2 và bà

Hoàng Thị M là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; tuyên chỉnh lý, sửa các thông tin liên quan việc quy chủ thửa đất số 902, tờ bản đồ số 7 xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q lập bằng việc xoá tên bà Hoàng Thị M, vì việc quy chủ không đúng khi thửa đất này có nguồn gốc do UBND xã P cấp cho Phan Thị T1 vào năm 1995.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị H1 trình bày:

Năm 1995, sáu (06) người gồm: bà Đỗ Thị H1, bà Hồ Thị H2 góp tiền đứng chung 01 Đơn mua đất và đăng ký tên là Phan T1; ông Dương Minh T2, bà Phan Thị T1 góp tiền đứng chung 01 Đơn và đăng ký tên là Hồ C; bà Nguyễn Thị L2, bà Hồ Thị C1 góp tiền đứng chung 01 Đơn và đăng ký tên là Thảo S, tất cả các tên đứng trong Đơn xin cấp đất đều là ngẫu nhiên (tên giả). Lý do: thời điểm đó 06 người chúng tôi đã được cấp đất ở, nên không thể đứng tên thật để tiếp tục xin cấp đất nên đã ghi các tên ngẫu nhiên nêu trên. Toàn bộ tiền và thủ tục đều được giao cho bà Nguyễn Thị L2 trực tiếp lên đăng ký và nộp tiền tại Ủy ban. Sau đó, UBND xã P đã cấp ba (03) giấy cấp đất nhà ở tại khu vực Đ sát Trường THCS H5. Trong đó, giấy thứ nhất mang tên Hồ C do ông Dương Minh T2 và bà Phan Thị T1 cất giữ; giấy thứ hai mang tên Thảo S do bà Nguyễn Thị L2 và Hồ Thị C1 cất giữ; giấy thứ ba mang tên Phan T1 do bà và bà Hồ Thị H2 cất giữ. Sau đó, do làm ăn thua lỗ nên mẹ bà là bà Hồ Thị H2 đã giao thửa đất cho bà Hoàng Thị M để gán nợ và được bà đồng ý. Nay ông Phạm Sỹ T khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị T1 chấm dứt hành vi xâm phạm, cản trở quyền sử dụng đất của ông T và công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T thì bà hoàn toàn đồng ý. Bà không đồng ý với việc bà Phan Thị T1 có Đơn phản tố kiện đòi lại thửa đất đó, bà không chấp nhận nội dung phản tố của bà Phan Thị T1.

3.2. Ủy ban nhân dân xã H trình bày:

Tại Công văn số 848/UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Công văn số 812/UBND ngày 08 tháng 9 năm 2023 của UBND xã H với nội dung:

Hồ sơ cấp đất của bà Hoàng Thị M tại thửa đất số 902, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình được thể hiện tại Bản đồ địa chính năm 2009 và Sổ mục kê thửa đất số 902, tờ bản đồ địa chính số 07 được quy chủ mang tên bà Hoàng Thị M (có hồ sơ kèm theo). Sau khi giải quyết tranh chấp giữa các bên, UBND xã H đã mời ông Nguyễn Viết L3, nguyên là Chủ tịch UBND xã P (cũ) nay là xã H để xác minh một số sự việc, tại Biên bản làm việc ngày 15 tháng 12 năm 2022 ông L3 cho biết: năm 1995 ông nguyên là Chủ tịch UBND xã P (nay là xã H), các giấy tờ hồ sơ có liên quan đến việc đăng ký mua đất nhà ở tại khu vực Đ sát trường THCS H5 của bà

Phan Thị T1, bà Nguyễn Thị L2, bà Đỗ Thị H1, ông Dương Minh T2, bà Hồ Thị C1 và bà Hồ Thị H2 đến nay không còn. Tuy nhiên, ông xác nhận nội dung Giấy cấp đất làm nhà ở mang tên Phan T1 do UBND xã xác nhận vào ngày 25 tháng 3 năm 1998 không phải là Giấy xác nhận cấp đất cho bà Phan Thị T1.

Về nguồn gốc thửa đất số 902, thửa số 07, địa chỉ: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình thì ông Hoàng Minh H3, nguyên cán bộ địa chính xã P (cũ) cho biết: từ năm 2009 - 2010 xã P có đo đạc lại Bản đồ địa chính và đơn vị đo đạc có Thông báo đến các hộ dân để quy chủ lại đối với các thửa đất trong Bản đồ địa chính. Tại các Biên bản làm việc của UBND xã đối với các hộ liên quan và căn cứ hồ sơ chỉnh lý địa chính của Văn phòng Đ và Sổ mục kê lưu trữ tại xã P (cũ) thì có thể xác định các thửa đất 902, 903 và 904, tờ bản đồ địa chính số 07 (P) là do bà Nguyễn Thị L2 là người trực tiếp đăng ký mua đất và nộp tiền đất và được UBND xã P cấp cho 03 Giấy cấp đất ngẫu nhiên mang tên Phan T1, T và Hồ C. Đến năm 2009 khi có Thông báo của UBND xã P và đơn vị đo đạc bản đồ địa chính về việc đo đạc Bản đồ địa chính xã P và xác định quy chủ quyền sử dụng đất cho các thửa đất thì hộ bà Hoàng Thị M được quy chủ thửa 902, tờ bản đồ địa chính số 07; hộ ông Dương Minh T2 được quy chủ thửa 903, tờ bản đồ địa chính số 07; hộ bà Hồ Thị C1 được quy chủ thửa 904, tờ bản đồ địa chính số 07. Qua làm việc với các hộ có liên quan, UBND xã có ý kiến về việc đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thêm việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa 903, tờ bản đồ địa chính số 07 được quy chủ hộ ông Dương Minh T2 mà hiện nay bà Phan Thị T1 đang là chủ sử dụng để có căn cứ giải quyết vụ án.

3.3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q trình bày:

Tại Công văn số 667/STNMT - DĐBĐVT ngày 23 tháng 3 năm 2023 với nội dung như sau:

Bản đồ địa chính là một trong các thành phần của hồ sơ địa chính được quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ T5 quy định về hồ sơ địa chính và Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ T5 Quy định về Bản đồ địa chính. Qua rà soát cho thấy, tại thời điểm đo đạc thửa đất số 902, tờ bản đồ số 07 đã được đo đạc theo đúng hiện trạng sử dụng. Các bên liên quan và chủ sử dụng đã thống nhất ký xác nhận. Do đó, hiện nay bà Phan Thị T1 yêu cầu chỉnh lý các thông tin liên quan đến thửa đất 902, tờ bản đồ địa chính số 07 đã được Sở T phê duyệt năm 2014 là không có cơ sở để thực hiện. Theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Đất đai năm 2013 và điểm 1.1 khoản 1 Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT, nếu hiện nay hiện trạng sử dụng thửa đất trên có sai

khác so với thời điểm đo đạc thì người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký đất đai được quy định tại Điều 95 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, do hiện nay giữa bà Phan Thị T1 và ông Phạm Sỹ T, bà Đỗ Thị H1 đang có tranh chấp đất đai, cho nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình căn cứ hiện trạng sử dụng đất, giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 để xét xử. Quyết định xét xử của Tòa án là căn cứ để cơ quan hành chính thực hiện chỉnh lý địa chính và cấp GCNQSDĐ cho các bên có liên quan theo đúng quy định của pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên Sở T đề nghị Tòa án tuyên không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T1 về việc chỉnh lý các thông tin liên quan đến thửa đất 902, tờ bản đồ địa chính số 07 đã được Sở T phê duyệt năm 2014 được quy chủ cho bà Hoàng Thị M.

4. Người làm chứng:

4.1.Ông Dương Minh T2, bà Nguyễn Thị L2, bà Hồ Thị C1 trình bày như sau:

Vào năm 1995, khi UBND xã P có chủ trương bán đất làm nhà ở tại khu vực Đ sát trường THCS H5, bà L2, ông T2, bà H1, bà T1, bà C1, bà H2 (đã chết) chung nhau mua đất, mỗi người 4.000.000 đồng và bà L2 là người trực tiếp lên đăng ký trong Sổ đăng ký mua đất. Do tại thời điểm này, các ông, bà đều đã có nhà và đất ở nơi khác, nên đều lấy tên giả (tên ngẫu nhiên) để được đăng ký mua đất và sau khi bà L2 nộp tiền thì được UBND xã cấp cho 03 Giấy cấp đất mang tên là Phan T1, T và Hồ C. Đến năm 2005 (hoặc 2009), khi có chủ trương đo đạc, chỉnh lý cập nhật các thửa đất và được UBND xã P tạo điều kiện nên các hộ gia đình muốn đổi tên trong giấy cấp đất do UBND xã P xác nhận vào năm 1995 cho đúng tên mình. Lô thứ nhất mang tên Hồ Chiến đ sang tên Dương Minh T2, do ông T2 và bà Phan Thị T1 cất giữ giấy; lô thứ hai mang tên Phan T1 của bà Đỗ Thị H1 và Hồ Thị H2 chuyển sang cho bà Hoàng Thị M; lô thứ ba mang tên T của bà Nguyễn Thị L2 chuyển sang cho bà Hồ Thị C1.

4.2. Ông Nguyễn Viết L3 trình bày:

Năm 1995, UBND xã P có chủ trương cấp đất cho dân làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất, tuy nhiên vì lý do như nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trình bày nêu trên là họ đã có đất ở nên không được tiếp tục cấp đất ở và phải lấy các tên ngẫu nhiên (tên giả) để được cấp đất (T, Phan T1 và Hồ C) và ông là người trực tiếp ký các giấy cấp đất này. Tuy nhiên, những ai là người góp tiền mua đất thì ông không rõ, chỉ biết rằng các thủ tục xin được cấp đất đều do bà Nguyễn Thị L2 đứng ra thực hiện. Đồng thời, ông khẳng định Phan Thảo ghi trong Giấy cấp đất không phải là Phan Thị T1 - bị đơn trong vụ án.

4.3. Ông Nguyễn Đức H4 trình bày:

Đối với Giấy cấp đất nhà ở của UBND xã P (cũ) đề ngày 25 tháng 3 năm 1995, thời điểm đó Chủ tịch UBND xã P là ông Nguyễn Viết L3 chỉ đạo nên ông ký vào. Trong Giấy cấp đất đề tên người xin đất là Phan T1, nhưng ông hoàn toàn không biết Phan T1 là ai, không biết là nam hay nữ, cũng không biết địa chỉ ở đâu.

4.4. Bà Nguyễn Thị C2 trình bày:

Giấy cấp đất mang tên Phan T1 là của bà Đỗ Thị H1 và bà Hồ Thị H2. Ngày 10 tháng 3 năm 1997, do buôn bán thua lỗ nên bà H2 đã lấy thửa đất này gán nợ cho các bà Nguyễn Thị C2, Phan Thị C3 (đã chết) và bà Hoàng Thị M. Hiện nay thửa đất được quy chủ cho bà Hoàng Thị M (vợ ông Phạm Sỹ T) là thửa đất số 902, tờ bản đồ số 07, xã P (cũ), nay là xã H. Thời điểm làm Đơn đề nghị cấp đất nhà ở, bà H1 và bà H2 lấy tên ngẫu nhiên là Phan Thảo g vào Giấy cấp đất ngày 25 tháng 3 năm 1995 của UBND xã H. Việc bà Phan Thị T1 dựa vào tên ghi trong Giấy cấp đất là Phan T1 để cho rằng thửa đất đó được cấp cho bà Phan Thị T1 là không có căn cứ.

4.5. Ông Hồ Thanh V1, sinh năm 1982 (con bà Phan Thị C3 – đã chết) trình bày:

Mẹ ông lúc còn sống có quan hệ làm ăn, buôn bán với bà Hồ Thị H2, năm 1997 bà Hồ Thị H2 do làm ăn thua lỗ nên đã gán nợ Giấy cấp đất mang tên "Phan Thảo" cho mẹ ông, bà Nguyễn Thị C2 và bà Hoàng Thị M. Sau đó mẹ ông và bà C2 thống nhất thỏa thuận giao Giấy cấp đất làm nhà ở mang tên "Phan Thảo" cho cho bà Hoàng Thị M toàn quyền quyết định và làm thủ tục theo quy định của pháp luật về quyền sử dụng đất. Bà Hoàng Thị Mai s khi nhận mốc giới do UBND xã P (nay là xã H) bàn giao đã tiến hành san ủi và tôn tạo mặt bằng thửa đất và tiến hành các thủ tục pháp lý về đất đai. Hiện nay bà Hoàng Thị M được quy chủ trên Bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt là thửa số 902, tờ bản đồ số 7. Còn chuyện phân chia giá trị tài sản giữa gia đình ông, bà C2 và bà Hoàng Thị M (vợ ông T) là chuyện nội bộ giữa các gia định và vấn đề này đã được xác định rõ ràng, sòng phẳng khi mẹ ông và bà Hoàng Thị M còn sống. Hiện nay bà Phan Thị T1 tranh chấp thửa đất số 902 với ông Phạm Sỹ T (chồng bà M) là hoàn toàn phi lý, vô đạo đức và không có căn cứ.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành xem xét thẩm định và định giá theo yêu cầu của bà Phan Thị T1 tại vụ án dân sự thụ lý số 82/2022/TLST ngày 23 tháng 11 năm 2022. Kết quả xác định: thửa đất số 902, tờ bản đồ số 7 có diện tích theo hiện trạng là 332,5m^2, tại

thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trên thửa đất không có công trình xây dựng, không có cây cối và là thửa đất đang tranh chấp tại vụ án này.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 202; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 116; Điều 117; Điều 163; Điều 164; Điều 165; Điều 221 Bộ luật Dân sự. Điều 3; Điều 4; Điều 13; Điều 17; Điều 19 và Điều 20 Luật Đất đai năm 1993. Điều 46; Điều 47; Điều 105; Điều 106; Điều 107 và khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003. Khoản 4, khoản 5 và khoản 15 Điều 3; khoản 6 và khoản 10 Điều 12; Điều 95; Điều 96; Điều 166; Điều 167; Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Sỹ T, giao cho ông Phạm Sỹ T được quyền kế thừa quyền sử dụng thửa đất số 902, tờ bản đồ 7, diện tích 332,5m^2; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, theo kết quả đo vẽ xem xét, thẩm định tại chổ, cụ thể:

- Từ điểm 1 đến điểm 2 giáp mương thủy lợi có kích thước 11,93m.

- Từ điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7 đến điểm 8 giáp đất của cơ sở G có kích thước lần lượt 2,56m; 6,72m; 0,71m; 10,68m; 6,78m và 3,78m.

- Từ điểm 8 đến điểm 9 giáp đất bà S1 (chị chồng bà T1) có kích thước 23,84m.

- Từ điểm 9 đến điểm 1 giáp mương thủy lợi, đường giao thông có kích thước 19,78m.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị T1, về việc yêu cầu Tòa án tuyên Giấy sang nhượng đất lập ngày 10 tháng 3 năm 1997 giữa bà Hồ Thị H2 và bà Hoàng Thị M là vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T1 tuyên buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q chỉnh lý, sửa đổi các thông tin liên quan trong việc quy chủ đối với thửa đất số 902, tờ bản đồ số 07 tại xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q lập 2014, bằng việc xóa tên bà Hoàng Thị M trong hồ sơ địa chính do việc quy chủ không đúng đối tượng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 bà Phan Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận Đơn kháng cáo của bà Phan Thị T1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận Đơn khởi kiện của ông Phạm Sỹ T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Sỹ T trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện; người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị T1 trình bày giữ nguyên Đơn kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Phạm Sỹ T trình bày: bản án sơ thẩm giải quyết là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị T1 trình bày: không có căn cứ cho rằng bà H1, bà H2 được UBND cấp đất. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào nội dung này để giải quyết là không đúng. Từ đó, cho rằng bà H1, bà H2 nhượng (gán nợ) cho bà M là không đúng pháo luật. Ông T, bà M không sử dụng thửa đất này (thửa đất số 902), người đổ đất là bà T1, bà T2, bà C1. Hiện trạng trên diện tích đất không có nhà, công trình, cây cối. Việc quy chủ thửa đất số 902 cho bà M, ông T là không đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị T1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận Đơn khởi kiện của ông Phạm Sỹ T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Phan Thị T1 trình bày là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: thửa đất tranh chấp được xác định là thửa đất số 902, diện tích 410m^2. Sau khi bà M nhận chuyển nhượng thửa đất này từ bà Hồ Thị H2, bà M đã kê khai và được quy chủ. Hộ gia đình bà M, sau này là ông T sử dụng từ năm 1997 đến 2022 ổn định không có tranh chấp. Bà Phan Thị T1 đã góp tiền mua đất và được cấp GCNQSDĐ thửa 903 sát bên thửa 902. Bà Phan Thị T1 cho rằng Giấy cấp đất thửa 902 đứng tên Phan T1 là bà, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh Phan T1 và Phan Thị T1 là một người và đó là bà. Tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất số 902 cấp cho người đứng tên Phan T1 thực chất là cấp cho Đỗ Thị H1, Hồ Thị H2, sau này quy chủ cho bà M. Hơn nữa, bà Phan Thị T1 không sử dụng thửa đất này. Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Sỹ T và

không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị T1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 bà Phan Thị T1 kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Như vậy, kháng cáo của bà Phan Thị T1 là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị T1:

[2.1] Năm 2022, bà Phan Thị T1 khởi kiện ông Phạm Sỹ T về nội dung "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu chỉnh lý bản đồ địa chính*". Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 rút toàn bộ nội dung Đơn khởi kiện và ngày 04 tháng 5 năm 2023 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 07/2023/QĐST-DS. Vụ án này, bà T1 là bị đơn có yêu cầu phản tố với nội dung cơ bản như nội dung Đơn khởi kiện năm 2022.

[2.2] Xem xét về nguồn gốc thửa đất số 902, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình được quy chủ tại Sổ mục kê đất đai đứng tên Hoàng Thị M (vợ ông Phạm Sỹ T) thấy rằng:

Nội dung Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 14 tháng 4 năm 2022 do UBND xã H tổ chức; Bản tự khai của bà Đỗ Thị H1, ông Phạm Sỹ T và trình bày của người làm chứng là ông Dương Minh T2, bà Hồ Thị C1, bà Nguyễn Thị L2 thể hiện: vào năm 1995, khi UBND xã P (nay là H) có chủ trương cấp đất làm nhà ở, có thu tiền sử dụng đất cho người dân trong xã thì có 06 người gồm: bà Đỗ Thị H1, bà Hồ Thị H2 (mẹ bà H1), ông Dương Minh T2, bà Phan Thị T1, bà Nguyễn Thị L2, bà Hồ Thị C1 mỗi người góp 4.000.000 đồng, đưa cho bà Nguyễn Thị L2 đi đăng ký tên, nộp tiền mua đất và được UBND xã P cấp cho 03 Giấy cấp đất làm nhà ở tại khu vực Đ, tiếp giáp trường Trung học cơ sở H5. Thời điểm này các hộ này đã có đất làm nhà ở nơi khác (không được cấp đất nữa), cụ thể như sau:

01 Giấy cấp đất làm nhà ở mang tên "*Hồ Chiến*" do ông Dương Minh T2 và bà Phan Thị T1 cất giữ. Nay được chỉnh lý và quy chủ thành thửa số 903, tờ bản đồ số 7 mang tên hộ ông Dương Minh T2. Thửa đất này ông

Dương Minh T2 và bà Phan Thị T1 góp tiền với tỷ lệ mỗi người 1/2 và hai người đã cùng nhau đổ đất, làm kè bao quanh. Sau đó bà T1 đã làm nhà ở trên đất và được cấp GCNQSDĐ mang tên vợ chồng bà Phan Thị T1, ông Hoàng Minh T4. Thửa đất này không có tranh chấp.

01 Giấy cấp đất làm nhà ở mang tên "*Phan Thảo*" do bà Đỗ Thị H1 và bà Hồ Thị H2 cất giữ. Nay được chỉnh lý và quy chủ thành thửa số 902, tờ bản đồ số 7 mang tên bà Hoàng Thị M. Đối với thửa đất này bà Đỗ Thị H1 thừa nhận mẹ bà (Hồ Thị H2) do làm ăn thua lỗ nên đã chuyển nhượng (gán nợ) cho bà Hoàng Thị M, Nguyễn Thị C2, Phan Thị C3 vào ngày 10 tháng 3 năm 1997.

01 Giấy cấp đất làm nhà ở mang tên "*Thảo Sơn*" do bà Nguyễn Thị L2 và bà Hồ Thị C1 cất giữ. Nay được chỉnh lý và quy chủ thành thửa số 904, tờ bản đồ số 7 mang tên hộ bà Hồ Thị C1. Thửa đất này không có tranh chấp.

[2.3] Xem xét nội dung chuyển nhượng đất giữa bà Đỗ Thị H1 với bà Hoàng Thị M, Nguyễn Thị C2, Phan Thị C3 vào ngày 10 tháng 3 năm 1997: tại thời điểm chuyển nhượng, thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập thành văn bản nhưng không được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, từ khi chuyển nhượng (gán nợ) năm 1997 đến nay, bà Đỗ Thị H1 và bà Hồ Thị H2 không có ý kiến phản đối khiếu nại hoặc tranh chấp; gia đình bà Hoàng Thị M, ông Phạm Sỹ T đã kê khai, quản lý, sử dụng thửa đất ổn định, không có tranh chấp (năm 2022 mới xảy ra tranh chấp) và đất đã được quy chủ đứng tên bà Hoàng Thị M tại Sổ mục kê đất đai, Bản đồ địa chính.

Phù hợp với lời trình bày của người làm chứng là ông Dương Minh T2, bà Nguyễn Thị L2, bà Hồ Thị C1 trình bày cho rằng: lô đất thứ hai mang tên "*Phan Thảo*" của bà Đỗ Thị H1 và Hồ Thị H2 đã chuyển sang cho bà Hoàng Thị M. Ông Nguyễn Viết L3 cho rằng: năm 1995 UBND xã P có chủ trương cấp đất cho dân làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất, ông là người trực tiếp ký các giấy cấp đất này và ông khẳng định "*Phan Thảo*" ghi trong Giấy cấp đất không phải là Phan Thị T1 - bị đơn trong vụ án. Ông Nguyễn Đức H4 cho rằng: Giấy cấp đất nhà ở của UBND xã P (cũ) đề ngày 25 tháng 3 năm 1995, Chủ tịch UBND xã P là ông Nguyễn Viết L3 chỉ đạo nên ông ký vào và trong Giấy cấp đất đề tên người xin đất là "P" thì ông không biết Phan T1 là ai, nam hay nữ, địa chỉ ở đâu. Bà Nguyễn Thị C2 trình bày: Giấy cấp đất đứng tên "*Phan Thảo*" là của bà Đỗ Thị H1 và bà Hồ Thị H2. Do buôn bán thua lỗ nên bà H2 đã gán thửa đất này cho Bà, bà Phan Thị C3 (đã chết), bà Hoàng Thị M và đã được quy chủ cho bà Hoàng Thị M (vợ ông Phạm Sỹ T) là thửa đất số 902, tờ bản đồ số 07, xã P (cũ), nay là xã H. Bà Phan Thị T1 dựa vào tên ghi

trong Giấy cấp đất là "*Phan Thảo*" để cho rằng thửa đất đó cấp cho bà Phan Thị T1 là không có căn cứ. Ông Hồ Thanh V1 (con bà Phan Thị C3 – đã chết) cho rằng: mẹ ông lúc còn sống có quan hệ làm ăn, buôn bán với bà Hồ Thị H2, năm 1997 bà Hồ Thị H2 làm ăn thua lỗ nên đã gán nợ Giấy cấp đất mang tên "*Phan Thảo*" cho mẹ ông, bà Nguyễn Thị C2, bà Hoàng Thị M. Sau đó mẹ ông và bà C2 thống nhất thỏa thuận giao Giấy cấp đất làm nhà ở mang tên "*Phan Thảo*" cho cho bà Hoàng Thị M toàn quyền quyết định. Nay bà Phan Thị T1 tranh chấp thửa đất số 902 với ông Phạm Sỹ T (chồng bà M) là hoàn toàn phi lý, không có căn cứ.

Hơn nữa, Giấy cấp đất làm nhà ở mang tên "*Phan Thảo*" đã được quy chủ đứng tên bà Hoàng Thị M tại Sổ mục kê đất đai, Bản đồ địa chính không liên quan đến bà Phan Thị T1. Bản thân bà Phan Thị T1 không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh người đứng tên "*Phan Thảo*" tại Giấy cấp đất làm nhà ở là bà (Phan Thị T1).

[2.4] Bà Hoàng Thị M và ông Phạm Sỹ T kết hôn năm 1982 và có hai người con là ông Phạm Hoàng L sinh năm 1984, ông Phạm Hoàng L1 sinh năm 1989. Bà Hoàng Thị M chết ngày 23 tháng 12 năm 2012. Do vậy, ông Phạm Sỹ T, ông Phạm Hoàng L1 và ông Phạm Hoàng L là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Hoàng Thị M và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hoàng Thị M trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất là thửa đất 902, tờ bản đồ số 7 được quy chủ cho bà Hoàng Thị M.

[2.5] Các đương sự thống nhất lấy kết quả xem xét thẩm định và định giá ngày 01 tháng 3 năm 2023 làm căn cứ giải quyết vụ án. Kết quả xem xét thẩm định và định giá ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác định thửa đất tranh chấp là: thửa đất số 902, tờ bản đồ số 7 có diện tích theo hiện trạng là 332,5m^2, tại thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trên thửa đất không có công trình xây dựng, không có cây cối.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của đương sự và những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của bà Phan Thị T1 là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Phan Thị T1 phải chịu theo quy địnhu của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 202; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 116; Điều 117; Điều 163; Điều 164; Điều 165; Điều 221 Bộ luật Dân sự. Điều 3; Điều 4; Điều 13; Điều 17; Điều 19 và Điều 20 Luật Đất đai năm 1993. Điều 46; Điều 47; Điều 105; Điều 106; Điều 107 và khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003. Khoản 4, khoản 5 và khoản 15 Điều 3; khoản 6 và khoản 10 Điều 12; Điều 95; Điều 96; Điều 166; Điều 167; Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Sỹ T, giao cho ông Phạm Sỹ T được quyền kế thừa quyền sử dụng thửa đất số 902, tờ bản đồ 7, diện tích 332,5m^2; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, theo kết quả đo vẽ xem xét, thẩm định tại chỗ, cụ thể:

- Từ điểm 1 đến điểm 2 giáp mương thủy lợi có kích thước 11,93m.

- Từ điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7 đến điểm 8 giáp đất của cơ sở G có kích thước lần lượt 2,56m; 6,72m; 0,71m; 10,68m; 6,78m và 3,78m.

- Từ điểm 8 đến điểm 9 giáp đất bà S1 (chị chồng bà T1) có kích thước 23,84m.

- Từ điểm 9 đến điểm 1 giáp mương thủy lợi, đường giao thông có kích thước 19,78m.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị T1, về việc yêu cầu Tòa án tuyên Giấy sang nhượng đất lập ngày 10 tháng 3 năm 1997 giữa bà Hồ Thị H2 và bà Hoàng Thị M là vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T1 tuyên buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q chỉnh lý, sửa đổi các thông tin liên quan trong việc quy chủ đối với thửa đất số 902, tờ bản đồ số 07 tại xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q lập 2014, bằng việc xóa tên bà Hoàng Thị M trong hồ sơ địa chính do việc quy chủ không đúng đối tượng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Phan Thị T1 phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền bà T1 đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004880 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
(Đã ký)	(Đã ký)
Lê Văn Thường **Đinh Phước Hoà**	**Trần Quốc Cường**